TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2025/HS-ST
Ngày 26-6-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Định và ông Huỳnh Văn Vy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Chính, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Trần Thị Thu T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 03 tháng 12 năm 1979, tại thành phố H; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện P, thành phố H; địa chỉ tạm trú: E T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Số CCCD: 049179015026, cấp ngày 05/9/2023, nơi cấp: Cục C về TTXH - Bộ C1; nghề nghiệp: Buôn bán; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; con ông Trần Văn L (đã chết) và con bà Võ Thị M, sinh năm 1954; Anh chị em ruột: có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có chồng là Đoàn Văn P, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ ở huyện D, tỉnh Quảng Nam; học văn hoá lớp 08/12; năm 2014 đến thường trú tại Thôn A, xã P, huyện P, thành phố H làm nghề buôn bán; năm 2022 đến thời điểm bị bắt tạm giam thì tạm trú tại: E T, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/02/2025 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Võ Thị Quỳnh D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đoàn Văn P, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện P, thành phố H. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1987; địa chỉ: B P, phường A, quận T, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Hồng V, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Hữu Châu T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 7 năm 2023, do cần tìm việc làm nên chị Võ Thị Quỳnh D (sinh năm 1991; trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện P, thành phố H) đã kể cho bạn của mình là chị Phạm Thị L1 (sinh năm 1987; trú tại: tổ dân phố D, thị trấn P, huyện P, thành phố H) về mong muốn tìm việc làm của mình. Trước đó, chị L1 có quen biết với Trần Thị Thu T và nghe được T cho biết là có nhiều mối quan hệ ngoài xã hội, có thể xin được việc làm, tin là thật nên chị L1 đã giới thiệu T cho D. Đến ngày 05/7/2023, tại quán cà phê "Ry" ở thị trấn P, huyện P, thành phố H, D gặp T và đề đạt nguyện vọng nhờ T xin vào làm việc ở Trung tâm y tế huyện P. T nói cần 150.000.000 đồng để xin việc, chị D phải chuyển trước cho T 75.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào nhận quyết định tuyển dụng mới phải trả cho T. Chị D nghe vậy thì đồng ý với yêu cầu của T, nhưng do không có đủ số tiền 75.000.000 đồng, nên chị D đã sử dụng tài khoản Ngân hàng Thương Mại cổ phần C2 (V1) số 105875053510 chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Thương Mại cổ phần Q (M1) số 0932063997 của Trần Thị Thu T và hẹn vài ngày sau giao tiếp số tiền 25.000.000 đồng cho T. Đến ngày 08/7/2023, D liên lạc với T để giao tiếp số tiền xin việc còn lại, thì được T hướng dẫn đến chỗ ở của T tại thôn H, xã T, thị xã H, thành phố H. Tại đây, D đã giao số tiền 25.000.000 đồng (tiền mặt) cho T.

Sau khi nhận số tiền trên từ chị D, T đã chi tiêu hết vào mục đích cá nhân. Qua điều tra, T không hề có khả năng và cũng không thực hiện một hành vi nào để xin việc làm cho chị D. Biết mình bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chị D đã nhiều lần yêu cầu T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, nhưng T không trả, mà đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 03/10/2024, chị D có đơn trình báo cơ quan Công an đề nghị xử lý hành vi của Trần Thị Thu T.

* Vật chứng thu giữ:

Giấy nhận tiền giữa Trần Thị Thu T và Võ Thị Quỳnh D (bản phô tô copy).

Giấy cam kết trả lại tiền giữa Trần Thị Thu T và Võ Thị Quỳnh D (bản phô tô copy).

Về trách nhiệm dân sự: Trước khi bị khởi tố và bắt tạm giam, bị cáo Trần Thị Thu T đã tự nguyện bồi thường cho chị Võ Thị Quỳnh D số tiền 15.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị Thu T đã tiếp tục tác động người nhà bồi thường thêm số tiền 60.000.000 đồng cho người bị hại. Chị D đã nhận đủ số tiền 75.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-PL ngày 29/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H truy tố bị cáo Trần Thị Thu T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Từ ngày 05/7/2023 đến ngày 08/7/2023, tại địa bàn huyện P và thị xã H của thành phố H, Trần Thị Thu T đã đưa ra thông tin gian dối là mình có mối quan hệ trong ngành Y tế, có thể xin việc làm tại Trung tâm Y tế huyện P, thành phố H để xin việc làm cho chị Võ Thị Quỳnh D, làm cho chị D tin tưởng gửi tiền cho T để chiếm đoạt, mặc dù T không quen biết ai ở trong ngành Y tế và cũng không có khả năng xin việc cho chị D. Bằng phương thức, thủ đoạn đó, Trần Thị Thu T đã chiếm đoạt của chị Võ Thị Quỳnh D tổng số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Do đó, Trần Thị Thu T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nêu trên của mình.

Với hành vi như trên, bị cáo Trần Thị Thu T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-PL ngày 29/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu T theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Thị Thu T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi, muốn có tiền nhanh chóng nên bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý thích đáng, mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi bị bắt tạm giam, bị cáo Trần Thị Thu T đã tự nguyện bồi thường cho chị Võ Thị Quỳnh D số tiền 15.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị Thu T đã tiếp tục tác động người thân bồi thường thêm số tiền 60.000.000 đồng cho người bị hại. Bị hại là chị Võ Thị Quỳnh D đã nhận đủ số tiền 75.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án 01 giấy nhận tiền giữa Trần Thị Thu T và Võ Thị Quỳnh D (bản phô tô copy) và 01 giấy cam kết trả lại tiền giữa Trần Thị Thu T và Võ Thị Quỳnh D (bản phô tô copy).

[7] Đối với chị Phạm Thị L1 và anh Trần Hữu Châu T1 (chồng của chị L1), do tin việc Trần Thị Thu T có thể xin được việc làm nên đã giới thiệu cho chị Võ Thị Quỳnh D. Chị L1 và anh T1 không biết và không thu lợi gì từ việc bị cáo T để dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của chị D, nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu T 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 19/02/2025).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu cùng hồ sơ vụ án 01 giấy nhận tiền giữa Trần Thị Thu T và Võ Thị Quỳnh D (bản phô tô copy) và 01 giấy cam kết trả lại tiền giữa Trần Thị Thu T và Võ Thị Quỳnh D (bản phô tô copy).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử buộc bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Phòng PV06 CA thành phố Huế;
- Sở Tư pháp thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- CQĐT CA thành phố Huế;
- CQ THAHS thành phố Huế;
- Trại tạm giam Công an thành phố Huế;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền